

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **48/2017/HSST**.

Ngày: **13/12/2017**.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà: **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Chí Thúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị N** - sinh năm 1981 (Có mặt)

Nơi ĐKTT: ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở: ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Làm thuê - Trình độ văn hóa: 2/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Lê Văn T, sinh năm 1960 và bà Võ Thị B, sinh năm 1962. Chồng: Huỳnh Văn T, sinh năm 1980. Con: 03 người, Lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2008. **Tiền án, tiền sự:** Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 13/9/2017.

*** Người bị hại:**

1. Chị **Bùi Kiều D** (Vàng) - sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Anh **Bùi Văn P** (Úc Phước) - sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

*** Người làm chứng:**

1. Chị **Trần Mỹ H** - sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Bùi Thị Ngọc G** - sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp I, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Bùi Văn T (Năm Đô)** - sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

4. Anh **Bùi Văn T** - sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Huỳnh Văn T** - sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị N và anh Bùi Văn T là bạn, anh T có mời vợ chồng bị cáo về dự đám cưới của em ruột là Bùi Văn P tại nhà cha ruột Bùi Văn A. Địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Ngày 10/9/2017 vợ chồng bị cáo đến nhà ông A, bị cáo N được sắp xếp ngủ chung với vợ chồng anh T trong phòng của chị Bùi Kiều D, đến ngày 12/9/2017 sau khi gia đình cô dâu cho tiền để trong thiệp cưới, sau đó giao lại chị D 09 thiệp cưới, chị D đem tất cả các thiệp cưới trên và một túi xách màu xám bên trong có một sợi dây chuyền nặng 01 chỉ 04 ly vàng 18K; 01 đôi bông tai nặng 06 phân 08 ly bỏ vào túi nylon màu đen cất vào tủ gỗ và khóa lại. Khoảng 14 giờ ngày 12/9/2017, do mệt và say rượu bị cáo N vào phòng chị D để ngủ, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì thức dậy, do không còn tiền về nên bị cáo N nảy sinh ý định trộm cắp số thiệp cưới có tiền trong tủ, vì trước đó bị cáo đã nhìn thấy chị D và mọi người thường hay để tiền và thiệp cưới trong tủ. Lợi dụng một mình trong phòng không có ai nên bị cáo N dùng tay giật mạnh phát hiện trong tủ có túi nylon màu đen nên mở ra lấy trộm 09 thiệp mừng ngày cưới bên trong có tiền cùng một sợi dây chuyền có trọng lượng 01 chỉ 04 ly vàng 18K và một đôi bông tai có trọng lượng 06 phân 08 ly vàng 18K bỏ vào ba lô đựng đồ của vợ chồng bị cáo. Khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi đãi tiệc xong gia đình ông A dùng xe đưa vợ chồng bị cáo N ra đầu Kinh 9 trước Nghĩa Trang Liệt sĩ huyện T để đón xe đi tỉnh Bình Dương. Khi vợ chồng bị cáo N chuẩn bị lên xe, chị D phát hiện mất trộm tài sản nên điện thoại cho anh T kêu vợ chồng bị cáo N ở lại, lúc này sợ bị phát hiện nên bị cáo N lấy số thiệp cưới trộm được mở ra ba thiệp lấy được 1.400.000đ bỏ vào túi, số tài sản còn lại bị cáo N giấu vào chậu cây cảnh được xây tường trước Nghĩa trang Liệt sĩ huyện T, sau đó bị cáo N được đưa về Công an xã T lấy lời khai, tại đây bị cáo N đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi kiểm tra 06 thiệp cưới còn lại, Cơ quan Công an đã tạm giữ số tiền 1.900.000đ.

Tại kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 20/KL-ĐGTS ngày 24/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ 04 ly, trên dây chuyền có chữ Q.N, trị giá 2.450.000đ.

- 01 (một) đôi bông tai bằng vàng 18k, trọng lượng 06 phân 04 ly, trên đôi bông có chữ Q.N, trị giá 1.508.000đ. Tổng cộng: 3.958.000đ.

- 09 thiệp cưới có tiền bên trong là : 3.300.000đ

Tổng giá trị tài sản bị cáo N đã trộm cắp là : **7.258.000đ** (Bảy triệu hai trăm năm mươi tám ngàn đồng)

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung vụ án đã nêu trên. Tài sản thu hồi đã trả lại cho người bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 20/KL-ĐGTS ngày 24/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bản cáo trạng số 50/KSĐT-KT ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo **Lê Thị N** về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Thị N. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g,h,p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33, Điều 47 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N mức án: Bằng thời hạn tạm giam đến 06 tháng.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Kiều D, Bùi Văn P đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 BLHS, Điều

76 BLTTHS. Tịch thu, tiêu hủy: 09 thiệp cưới màu hồng, làm bằng giấy bìa cứng, có chữ Wedding Invitation, bên trong không có tiền, 01 túi bằng vải màu đỏ có cài nút.

Tại phiên tòa, bị hại Bùi Kiều D, Bùi Văn P có ý kiến: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo N đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Thị N đã lợi dụng sự sơ hở và lén lút lấy trộm tài sản của chị Bùi Kiều D, Bùi Văn P 09 thiệp cưới có tiền bên trong là 3.300.000đ; 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ 04 ly, trên dây chuyền có chữ Q.N, trị giá 2.450.000đ; 01 (một) đôi bông tai bằng vàng 18k, trọng lượng 06 phân 04 ly, trên đôi bông có chữ Q.N, trị giá 1.508.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo N đã trộm cắp là: **7.258.000đ** (Bảy triệu hai trăm năm mươi tám ngàn đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Thị N về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lén lút trộm cắp và chiếm đoạt tài sản của người bị hại chị Bùi Kiều D và anh Bùi Văn P một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở

hữu tài sản của người bị hại và làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong xã hội.

[4] Về tình tiết tiết tăng nặng trách nhiệm hình: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo và tại phiên tòa bị hại còn yêu cầu Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại Điều 33; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo trong mức án đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đủ sức răn đe và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo và trong thời giam tạm cũng đủ thời gian giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Kiều D, Bùi Văn P đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS. Tịch thu, tiêu hủy: Tịch thu, tiêu hủy: 09 thiệp cưới màu hồng, làm bằng giấy bìa cứng, có chữ Wedding Invitation, bên trong không có tiền, 01 túi bằng vải màu đỏ có cài nút.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điều 33; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46; 47 và Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị N 03 (ba) tháng 02 (hai) ngày tù**. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giữ (kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ: ngày 13/9/2017 đến ngày 13/12/2017).

Áp dụng khoản 5 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Kiều D, Bùi Văn P đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 09 thiệp cưới màu hồng, làm bằng giấy bìa cứng, có chữ Wedding Invitation, bên trong không có tiền, 01 túi bằng vải màu đỏ có cài nút (theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 31/KSĐT ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Lê Thị N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/12/2017).

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN CHIẾN